

Số: 47/2023/QĐST - DS

Biên Hòa, ngày 29 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 249/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 521/87/20, tổ 12, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: A595, tổ 15, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 6, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị P, sinh năm 1957.

Địa chỉ thường trú: A595, tổ 15, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 6, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Hải Y có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị N tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 79.800.000đ (bảy mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng). Phương thức trả nợ như sau: Vào ngày mùng 10 hàng tháng,

bà Nguyễn Thị Hải Y trả cho bà Nghĩ số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Về án phí: Các đương sự thỏa thuận bà Vũ Thị N, bà Nguyễn Thị Hải Y mỗi người phải chịu 997.500 đ (Chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí hòa giải thành. Bà Vũ Thị N được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám